

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88 /2018/HNGĐ - ST

Ngày: 21/9/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU – TP CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Minh Dũng**;

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- Thư ký phiên toà: Ông **Phan Văn Dũng Em** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số số: 449/2018/TLST–HNST ngày 30/7/2018 về việc “***Tranh chấp ly hôn***”, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 12/7 đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 12/7 đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà N trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1979, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Quá trình hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 1995 hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không khí gia đình ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung. Đến đầu năm 2018 thì bà phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tuy đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T bất chấp không từ bỏ, từ đó bà thấy tình cảm gia đình không thể hàn gắn. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Quốc D (nam), sinh năm 1980, Nguyễn Thị Hải Y (Nữ), sinh năm 1991, hai cháu đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn – ông T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với phía bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà:

Bị đơn vắng mặt

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà N và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía bị đơn- ông T: Đã ký nhận văn bản tổng đạt của Tòa án về việc đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với phía bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quá trình hôn nhân theo trình bày của nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không còn sự chung thủy, thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện bà N đã dọn ra sống riêng và ly thân với ông T. Phía ông T dù biết được yêu cầu xin ly hôn của bà N nhưng vẫn không đến Tòa, không có ý kiến phản đối với yêu cầu của bà N, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Hai cháu Nguyễn Quốc Dũng (nam), sinh năm 1980, Nguyễn Thị Hải Yến (Nữ), sinh năm 1991, các cháu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự
 Khoản 2 điều, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về
 án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim
 N đối với ông Nguyễn Văn T

2/ *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Dũng (nam), sinh năm
 1980, Nguyễn Thị Hải Yến (Nữ), sinh năm 1991 đã trưởng thành nên không đặt ra
 xem xét giải quyết.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu 300.000đồng chuyển tiền
 tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 001558 ngày 19/7/2018 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên
 án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận
 được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

Đương sự;
 VKSND quận NK;
 TAND TPCT;
 THA
 UBND P Xuân Khánh
 Lưu hồ sơ

ĐẶNG THỊ HUỆ